

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/DS - PT

Ngày: 16/02/2022

V/v “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 212/2021/TLPT-DS ngày 31 tháng 12 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2021/DS – ST ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2021/QĐ – PT ngày 24 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị H, sinh năm 1960;

Địa chỉ: khu phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn M1, sinh năm 1980; (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 926/2 ấp 2, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1959;

Địa chỉ: khu phố 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Diễm C, sinh năm 1983. (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 167D3, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1965; (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 51/1, khu phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Võ Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày:

Vào ngày 27 tháng 8 năm 2013, bà H có cho bà Nguyễn Ngọc T vay 700.000.000 đồng, không lãi suất, không thời hạn thanh toán. Do bà H và bà T là chỗ quen biết nhau lâu năm nên bà H tin tưởng không có làm giấy biên nhận nợ, hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Quá trình thực hiện hợp đồng bà H nhiều lần yêu cầu bà T trả lại số tiền 700.000.000 đồng nhưng bà T không trả. Tại biên bản hòa giải ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thị trấn B, bà Nguyễn Ngọc T thừa nhận có nợ bà H số tiền 300.000.000 đồng và cho rằng đã trả bà số tiền trên. Tuy nhiên thực tế bà T chưa hề trả cho bà H số tiền nào cả.

Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Ngọc T trả số tiền 300.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình tố tụng, bà Nguyễn Ngọc T trình bày:

Bà T không thừa nhận có vay số tiền bà H số tiền 300.000.000 đồng và cũng không đồng ý trả số tiền này.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc M trình bày:

Bà M là em ruột bà Nguyễn Ngọc T, bà H là đồng nghiệp với Bà M mấy chục năm, khi còn làm việc ở Bệnh viện huyện B.

Bà T với bà H không quen biết nhau. Bà M có mối quan hệ mần ăn qua lại mấy chục năm với bà H, cụ thể là Bà M vay bà H rồi cho người khác vay lại để kiếm lời. Khoảng trước năm 2013, Bà M có cho bà T vay số tiền bao nhiêu thì bà không nhớ, nhưng lúc đó Bà M lấy lãi suất 2%, không ăn lời vì bà H cho Bà M vay cũng 2%. Năm 2013, bà H cho Bà M vay lãi suất tới 3%. Cuối năm 2014-2015 thì bà H tính lãi suất 4,5%.

Việc bà M cho bà T vay thì bà M có nói cho bà H biết. Tiền lãi của tất cả số tiền bà M vay bà H, bà M đưa trực tiếp cho bà H, tại nhà của bà M, khoảng 10 ngày thì bà

H đến nhà bà M lấy lãi một lần. Có thời gian tổng nợ bà M nợ bà H lên đến 14 tỷ đồng. Gần đây nhất, ngày 30/12/2020, bà H với bà M đã chốt nợ lại, hiện tại bà M còn nợ bà H là 7.098.600.000 đồng (Bảy tỷ không trăm chín mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng).

Việc bà T vay bà M chỉ có 4 ngày, thì bà T đã trả cho bà M rồi, theo bà M: bà T không có vay bà H, đáng lẽ bà H phải kiện bà M mới đúng, vì bà T không nợ bà H, mà người nợ bà H là bà M.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện B đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2021/DS – ST ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B đã tuyên:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Ngọc T.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/11/2021 bà Võ Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, buộc bà Nguyễn Ngọc T trả cho bà 300.000.000 đồng tiền vay, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: bà H kháng cáo không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên đề nghị không chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Võ Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Ngọc T trả số tiền 300.000.000 đồng do bà T có vay tiền của bà H vào năm 2013, không yêu cầu tính lãi. Bà T không đồng ý vì cho rằng không có vay tiền. Chứng cứ nguyên đơn giao nộp là biên bản hòa giải tại Công an thị trấn B, huyện B ngày 22/12/2020. Tuy nhiên, biên bản hòa giải này giải quyết nội dung mâu thuẫn là bà Nguyễn Ngọc T dùng kim tây gây thương tích cho bà Võ Thị H và bà T tố cáo bà H vu khống bà T thiếu tiền. Theo đó, bà T chỉ thừa nhận có vay 300 triệu của bà H năm 2009 và đã trả xong. Bà T không có văn bản thừa nhận có vay tiền của bà H vào năm 2013. Ngoài ra, bà H còn giao nộp

giấy viết tay có tiêu đề “Giấy nợ”, nội dung thể hiện việc bà Nguyễn Ngọc M có vay tiền của bà Võ Thị H. Điều này phù hợp với lời trình bày của bà M là bà có vay tiền của bà H và hiện còn đang nợ bà H, bà T không có vay tiền của bà H.

[2] Trong quá trình tố tụng, tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ là hồ sơ giải quyết xô xát giữa bà T và bà H tại Công an thị trấn B, trong các biên bản xác minh tình tiết vụ việc, bà T cũng không thừa nhận có vay tiền của bà H. Từ những phân tích trên, đủ cơ sở xác định bà H không có chứng cứ chứng minh việc bà T có vay tiền của bà, do đó kháng cáo của bà H không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Mặc dù kháng cáo không được chấp nhận nhưng bà H thuộc trường hợp được miễn án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2021/DS – ST ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Ngọc T về việc yêu cầu bà T trả số tiền 300.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị H được miễn án phí

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị H được miễn án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Hương